

PHÂN LOẠI TÙY BÚT

TRẦN VĂN MINH^(*)

TÓM TẮT

Tùy bút là một thể loại văn xuôi nằm ở vị trí trung gian, mang vẻ đẹp lưỡng hợp của cả hai loại hình: tự sự và trữ tình. Bài viết này nhằm góp thêm ý kiến về vấn đề phân loại tùy bút, trên cơ sở đặc trưng loại hình của nó. Các tiêu chí phân loại được xác lập khi tiếp cận tùy bút từ hai phương diện chính, nếu ở phương diện tự sự có thể lấy đề tài làm tiêu chí chủ yếu thì ở phương diện trữ tình, cảm hứng sáng tác là căn cứ quan trọng nhất. Ngoài ra, dung lượng cũng là một tiêu chí để phân thành các dạng: trường thiên, trung thiên, đoản thiên tùy bút. Để việc phân loại một tác phẩm tùy bút đạt được kết quả như mong muốn, cần vận dụng một cách tổng hợp, linh hoạt các tiêu chí vừa nêu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến nay, thể loại *tùy bút* đã có quá trình phát triển trải qua gần trọn một thế kỷ. Trong văn học Việt Nam hiện đại, giới sáng tác *tùy bút* ngày càng đông đảo, gồm cả chuyên và không chuyên; mỗi thế hệ đều có những tên tuổi lớn. Số lượng tác phẩm *tùy bút* ngày càng phong phú, đề cập đến nhiều lĩnh vực, nhiều phương diện đời sống; với những kiểu bút pháp và phong cách khác nhau.

Mặc dù là một thể loại văn xuôi có đóng góp đáng kể làm nên sự đa dạng cho nền

văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại, nhưng trên thực tế hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào riêng về *tùy bút*, nhất là ở phương diện lý thuyết thể loại. Hậu quả là việc xem xét, bình giá các giá trị xung quanh thể loại này đôi khi được tiến hành một cách chủ quan, chưa đủ sức thuyết phục.

Để có thể nghiên cứu triệt để một đối tượng phức tạp như thế, thiết nghĩ thao tác quan trọng trước tiên là phải xác lập cho được tính hệ thống từ những hiện tượng, những giá trị còn rời rạc, bẻ bộn. Việc phân loại các tác phẩm *tùy bút*, không nằm ngoài mục đích nghiên cứu ấy, là bước đầu tiên nhằm tiến tới nhận thức các quy luật thể loại: “Sự phân loại thể loại, cũng như phân loại đề tài, chủ đề, cảm hứng, nhân vật, phân loại kết cấu, phân loại lời văn, dấu quan trọng đến đâu cũng chỉ là vấn đề... có tính ước lệ, nhằm hệ thống hóa các sự vật bẻ bộn” (Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam, 1987, tr. 156).

Phân loại *tùy bút* cũng như những nỗ lực để xác định, hệ thống hóa các đối tượng khác trong nghiên cứu văn học, suy đến cùng, chỉ mang ý nghĩa tương đối. Bởi thực tiễn sáng tác là cái có trước và sinh động hơn nhiều. Thao tác phân loại ở đây chỉ mới là cố gắng bước đầu từ góc nhìn cá nhân, nên chắc chắn sẽ khó tránh được những ý kiến chủ quan, không bao quát hết ngoại lệ.

2. PHÂN LOẠI TÙY BÚT

2.1. Để có thể xác định các tiêu chí làm cơ sở cho việc phân loại, trước hết, cần xem

^(*) Thạc sĩ. Trường Đại học Cần Thơ.

xét kỹ vấn đề loại hình của *tùy bút*. Trong hầu hết giáo trình lý luận và các công trình lý luận phê bình, *tùy bút* thường được xếp vào hệ thống các tiểu loại của thể loại *ký* (bao gồm: bút ký, phóng sự, ký sự, hồi ký, nhật ký, tùy bút,...). Việc làm này nếu chỉ xét đơn thuần từ góc độ phản ánh hiện thực thì có vẻ hợp lý. Bởi cũng như hầu hết các tiểu loại khác của *ký*, *tùy bút* luôn cần đến nguyên mẫu. Muốn sáng tác được những trang *tùy bút* hay, dứt khoát nhà văn phải *xê dịch* nhiều, để kịp nắm bắt cái phần tươi nguyên, tinh túy nhất của hiện thực.

Đôi khi khái niệm *tùy bút* còn được hiểu một cách giản đơn, cảm tính là *tùy theo ngôi bút mà đưa đẩy* và thể loại *tùy bút* được đề cập tới như một *ngoại lệ*, không có những đặc điểm mang tính loại hình ổn định. Nhưng thể loại vốn là hình thức tồn tại chính thể của tác phẩm, nên không thể quy kết về nó từ những quan sát đơn lẻ, phiến diện. Tuy vẫn còn dấu vết phái sinh từ *ký*, nhưng qua quá trình phát triển trong gần trọn thế kỷ XX, *tùy bút* đã tách hẳn ra thành một thể loại văn học, mang những đặc điểm riêng biệt: “Một thể loại văn xuôi phái sinh từ thể loại *ký*, gần với bút ký, nhưng cách viết tự do và tùy hứng hơn nhiều. Nhà văn dựa vào sự lôi cuốn của cảm hứng, có thể nói từ sự việc này sang sự việc khác, từ liên tưởng này sang liên tưởng kia... để bộc lộ những cảm xúc, những tâm tình, phát biểu những suy nghĩ, những nhận xét về cuộc đời và con người. Bản ngã của nhà văn được thể hiện trong *tùy bút* gần như trong thơ trữ tình” (Nguyễn Xuân Nam, 2004, tr. 1.888). Nếu căn cứ vào những đặc điểm ấy, sẽ là không thỏa đáng khi cố tình xếp dứt khoát thể *tùy bút* vào một trong hai loại: trữ tình hoặc tự sự.

Về điểm này, Trần Đình Sử đã có ý kiến rất xác đáng: “Các cách phân loại nói trên tuy có các ưu điểm khác nhau nhưng đều mang tính tương đối. Bởi vì, trên thực tế, thể loại văn học rất đa dạng, không một lối nào bao quát được trọn vẹn và sít sao. Trước hết là các thể loại trung gian, kết hợp loại này và loại kia, không thể quy hẳn về một loại nào... Mặt khác, nhiều thể loại *ký* quy vào tự sự cũng không thật thích hợp, vì cốt truyện ít phát triển, mà chất trữ tình lại cao” (Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam, 1987, tr. 172).

Trong *tùy bút* cũng có kể chuyện, thuật sự. Nhưng cái mạch chính, ưu trội lên, luôn là trữ tình. Các sự việc, hiện tượng xuất hiện có vẻ bừa bộn, không theo một trật tự lôgic hình thức nào cả. Nhờ dòng cảm xúc, ấn tượng và trường liên tưởng chủ quan của người nghệ sĩ nối kết mọi thứ lại, để rồi từ đó mà toát lên những suy nghiệm sâu sắc về đời sống. Nói như Hoàng Ngọc Hiến, đó là “một sự mạch lạc cao cấp” (Hoàng Ngọc Hiến, 1997, tr. 23). Không có cốt truyện, không có tình tiết éo le gay cấn, nên sức hấp dẫn của những trang *tùy bút* nằm ở cách thức tác giả bộc lộ thế giới tinh thần chủ quan với những cung bậc xúc cảm mãnh liệt, những rung động tinh tế cùng những liên tưởng bất ngờ, tài hoa, uyên bác.

Nhân vật trong *tùy bút* cũng thường được khắc họa ở thể lưỡng phân: không có đầy đủ những nét ngoại hình, tính cách, ngôn ngữ, số phận,... như trong tác phẩm tự sự; cũng không thuần túy trực tiếp bộc lộ cảm xúc, tâm trạng như một nhân vật trữ tình. Ở đây, nhân vật không là đối tượng nhận thức mà chỉ tồn tại như một yếu tố hòa lẫn trong mạch sự kiện, tình huống để khơi gợi liên tưởng, suy tư, cảm xúc.

Vì thế, chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của V.E Khalizep trong *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, khi ông xếp những tác phẩm trung gian như *tùy bút* vào loại hình *tự sự-trữ tình*: “Văn học đã biết không ít những tác phẩm mà yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình được kết hợp ở mức ngang quyền như nhau. Người ta gọi chúng là những tác phẩm tự sự-trữ tình” (G.N. Pôxpêlôp (Chủ biên), 1998, tr. 348).

Thực tế văn học Việt Nam thế kỷ XX đã chứng minh sự linh hoạt, đa năng của *tùy bút*. Nhờ ưu thế của thể loại trung gian nên nó luôn có được thành tựu nổi bật ở hầu hết các chặng đường phát triển của nền văn học hiện đại. *Tùy bút* đã phát huy đầy đủ tác dụng cả trong thời chiến lẫn thời bình, cả trong hiện thực mang chất sử thi hoành tráng lẫn đời tư, đời thường; có thể vừa phản ánh và suy tư về hiện thực trong tính thời sự nóng hổi vừa giải bày những hoài niệm, hồi ức đến từ quá khứ, rồi hướng tới những ước mơ, khát vọng tốt đẹp ở tương lai. Sự kết hợp giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình trong *tùy bút* không phải theo kiểu luân phiên, xen kẽ, mà nhuyễn thấm vào nhau. Rõ ràng, vì có biểu hiện đầy đủ của một thể loại trung gian, mang vẻ đẹp lưỡng hợp, nên xếp *tùy bút* vào loại hình *tự sự-trữ tình* là thỏa đáng hơn cả.

2.2. Có một thực tế là lâu nay việc phân loại *tùy bút* chưa được đặt ra thành mục tiêu nghiên cứu hẳn hoi. Thảng hoặc, thao tác phân loại được thực hiện một cách đơn lẻ và chưa mang tính hệ thống: trong khi khảo sát một tác phẩm cụ thể thì xuất hiện nhu cầu định danh để phân biệt Ví dụ: Phạm Thế Ngũ gọi *Hà Nội băm sáu phố phường* của Thạch Lam là “một thứ biến khảo song có nhiều tính chất nghệ thuật”

(Phạm Thế Ngũ, 2003, tr. 74), Nguyễn Ngọc xem *Sông Đà* của Nguyễn Tuân “như là một thứ tùy bút tiểu thuyết” (Nguyễn Ngọc, 1998, tr. 272).

Để việc phân loại *tùy bút* đảm bảo tính hệ thống, nhất quán, thiết nghĩ cần có cơ sở xác định những tiêu chí cụ thể. Căn cứ vào đặc trưng về loại hình (thuộc loại hình *tự sự-trữ tình*), có thể tiếp cận thể loại *tùy bút* từ hai phương diện: tự sự và trữ tình. Ngoài ra, dung lượng cũng là một căn cứ về hình thức có ý nghĩa góp phần phân định các dạng của thể loại *tùy bút*.

Xét ở phương diện tự sự, tùy bút gần với ký. Tuy nhiên, tự sự trong *tùy bút* không giống với tự sự ở các thể loại khác. Nếu trong các thể loại thuộc loại hình tự sự, người trần thuật kể lại sự kiện và khắc họa tính cách, số phận con người như là những biểu hiện của thế giới khách quan, thì ở *tùy bút*, hiện thực cũng được tái hiện lại nhưng đã thấm đẫm cảm xúc, tâm trạng, suy tư chủ quan của tác giả. Mặt khác, tác phẩm tự sự không chỉ phản ánh cái phần tồn tại vật chất với các biến cố và hành động của con người. Nó cũng phản ánh thế giới bên trong bao gồm tâm trạng, cảm xúc, ý nghĩ,... Nhưng nét khác biệt cơ bản ở đây là, so với trong *tùy bút*, tất cả những biểu hiện của nội tâm đều được xem như đối tượng để phân tích, nhận biết. Có thể nói một cách ngắn gọn hơn: đó là sự khác biệt giữa *tự sự khách quan* và *tự sự chủ quan*.

Trong tác phẩm tự sự có thể xuất hiện cả ba phương thức trần thuật (theo ngôi thứ ba của người kể giấu mình, theo ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể, theo ngôi thứ ba giấu mình nhưng điểm nhìn và lời kể thì theo giọng điệu của nhân vật). Còn ở *tùy bút*, người trần thuật và chủ thể trữ tình thường

hòa hợp vào nhau - là chính *cái tôi* của tác giả - nên phương thức trần thuật trực tiếp theo ngôi thứ nhất là phổ biến hơn cả.

Nhìn từ phương diện tự sự, có thể phân loại *tùy bút* theo tiêu chí *đề tài*. Mang ưu thế của một thể loại trung gian, hầu như *tùy bút* can dự vào mọi phương diện đời sống xã hội: từ những vấn đề lớn lao, hoành tráng cho tới những biểu hiện bé mọn, đời thường; từ những sự việc, hiện tượng khách quan bên ngoài cho tới thế giới tâm hồn, tâm linh, tiềm thức thẳm sâu bên trong con người. Nếu căn cứ vào tiêu chí *đề tài* để phân loại thì nhóm *tùy bút tự sự* gồm các dạng cụ thể như: *tùy bút về văn hóa-phong tục, tùy bút về phong cảnh thiên nhiên, tùy bút về chiến tranh, tùy bút về hòa bình, tùy bút về lịch sử...* (Hoặc có thể định danh ngắn gọn là: *tùy bút văn hóa-phong tục, tùy bút phong cảnh, tùy bút chiến tranh, tùy bút hòa bình, tùy bút lịch sử*).

Các dạng *tùy bút* này, cùng với đặc điểm về *đề tài*, còn mang những nét riêng về không gian, thời gian nghệ thuật, về giọng điệu trần thuật, về mối quan hệ giữa tả và kể... Đơn cử vài ví dụ, trong khi *tùy bút chiến tranh* chú trọng xây dựng những bức hoành tráng về sự tồn vong của Tổ quốc và dân tộc, tương quan với lịch sử với thời đại, bằng giọng điệu anh hùng ca, thì *tùy bút hòa bình* lại dành sự quan tâm nhiều hơn về những vùng không gian gần gũi với những mối quan hệ đời thường, *bé mọn* (gia đình, cơ quan, dòng họ, làng xóm), bằng giọng tâm tình, sẻ chia; trong khi ở *tùy bút phong cảnh* bút pháp *tả thực* được phát huy thì với *tùy bút lịch sử*, *kể* mới là giọng điệu phù hợp hơn. Ở đây, chúng tôi chọn sự khác nhau về *đề tài* để làm căn cứ phân loại cho nhóm *tùy bút tự sự* vì đó là tiêu chí nổi trội,

có khả năng bao quát tốt nhất đối tượng trong tính đa dạng và phức tạp của nó.

Xét ở phương diện trữ tình, tùy bút gần với thơ trữ tình. Trong *Từ điển văn học* bộ mới, Nguyễn Xuân Nam đã khẳng định: “Bản ngã của nhà văn được thể hiện trong *tùy bút* gần như trong thơ trữ tình” (Nguyễn Xuân Nam, 2004, tr. 1.888). *Gần như* nghĩa là không hoàn toàn giống nhau. *Tùy bút* cũng xem việc biểu hiện mạch cảm xúc, tâm trạng của con người là cách thức chủ yếu để phản ánh và suy ngẫm về hiện thực. Nhưng mạch cảm xúc ấy không tồn tại ở dạng *lộ thiên* mà thường khi ẩn đằng sau mạch sự việc, hiện tượng. Nói cách khác, trữ tình trong *tùy bút* được bộc lộ một cách *gián tiếp*. Ngược lại, trong thơ trữ tình, thế giới tinh thần chủ quan và những cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ của con người được giải bày *trực tiếp*, làm thành nội dung chủ yếu.

Nếu tiếp cận *tùy bút* từ phương diện trữ tình thì có thể lấy *cảm hứng* làm tiêu chí cơ bản để phân loại. Cảm hứng chủ đạo là một yếu tố thuộc bình diện nội dung, nó thống nhất với *đề tài* và tư tưởng của tác phẩm. Tính chất và mức độ trữ tình ở mỗi tác phẩm *tùy bút* không bao giờ giống nhau, bởi nó biểu lộ sắc thái tình cảm riêng của tác giả: hoặc mãnh liệt, say đắm hoặc trầm tư, sâu lắng; lạc quan tin tưởng hay e dè, hoài nghi: “Suy đến cùng cảm hứng là một dạng năng lượng của trí tuệ con người, cái sức mạnh được tập trung cao độ đó giúp họ vượt qua được những khó khăn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, giải phóng họ khỏi những ràng buộc, đem lại cho người nghệ sĩ cái cảm giác tự do tuyệt vời nhất trong sáng tạo nghệ thuật” (Võ Gia Tri, 2001, tr. 131). Có thể tìm thấy trong *tùy bút* biểu hiện của nhiều dạng cảm hứng khác

nhau: cảm hứng lãng mạn, cảm hứng anh hùng, cảm hứng thể sự, cảm hứng bi kịch, cảm hứng châm biếm,...

Dựa trên tiêu chí cảm hứng sáng tác, có thể phân nhóm *tùy bút trữ tình* thành các dạng như sau: *tùy bút lãng mạn*, *tùy bút anh hùng*, *tùy bút thể sự*, *tùy bút bi kịch*, *tùy bút châm biếm*... Trong những dạng *tùy bút* thuộc nhóm này, sự khác nhau về cảm hứng có ảnh hưởng quyết định tới khuynh hướng tư tưởng: *tùy bút lãng mạn* thường hướng tới những giá trị nhân văn cao đẹp; *tùy bút anh hùng* mang âm hưởng sử thi; *tùy bút thể sự* giàu chất triết lý; *tùy bút châm biếm* có ý nghĩa phê phán; *tùy bút bi kịch* thiên về giá trị tố cáo...

Tất nhiên, cảm hứng sáng tác không phải là căn cứ duy nhất có ý nghĩa khi phân loại nhóm *tùy bút trữ tình*. Còn phải tính đến các yếu tố khác như nhân vật trữ tình, ngôi trữ tình, phương thức trữ tình,.... Mỗi yếu tố mở ra một hướng tiếp cận khác nhau. Nhưng sự khác biệt trong cảm hứng sáng tác giữa các dạng *tùy bút trữ tình* là rõ nét hơn cả, nên lấy cảm hứng làm tiêu chí để phân định là thỏa đáng hơn.

Dung lượng của *tùy bút* thật uyển chuyển, linh hoạt: thông thường thì ở mức vừa phải, nhưng cũng có những tác phẩm ngắn hoặc dài hơi, tùy theo mức độ, tính chất của mạch cảm xúc và quy mô của đối tượng được phản ánh. Sự khác biệt về dung lượng là một tiêu chí hình thức có thể căn cứ vào để phân loại *tùy bút* theo các cấp độ: *đoản thiên tùy bút*, *trung thiên tùy bút*, *trường thiên tùy bút*.

Tap bút, *tap văn* là một dạng biến thể, mang đầy đủ đặc điểm của *đoản thiên tùy bút*, vừa đủ để diễn tả gọn ghẽ một tình huống và bộc lộ một cách *đơn tuyến* mạch

suy tư, xúc cảm của chủ thể trữ tình (chứ không *đa tuyến*, *đa diện* như trong những *tùy bút* dài hơi). Xuất phát từ *những điều trông thấy* hoặc những khoảnh khắc tâm trạng, những hồi ức, những dự cảm,... nhà văn mở rộng liên tưởng, phán đoán, suy tư, chiêm nghiệm để khám phá những chiều kích ý nghĩa, những tầng bậc sâu thẳm trong thế giới tinh thần của con người. Ở phương diện này, *tap bút*, *tap văn* gần với thơ trữ tình, bởi hình như nó cũng cần có *cái tú* để khơi nguồn và làm thăng hoa tư tưởng, cảm xúc. Chữ *tap* ở đây cần được hiểu là *đa dạng*, *muôn màu muôn vẻ*, chứ không phải *phức tạp*, *hỗn tạp*. Với "*một mối quan hoài thường trực*" (chữ dùng của nhà văn Nguyễn Minh Châu) trước hiện thực và thân phận con người, người nghệ sĩ luôn có nhu cầu phát biểu quan điểm, giải bày xúc cảm của cá nhân để can dự vào đời sống một cách kịp thời. Có thể nói trong lĩnh vực văn xuôi, đây là hình thức sáng tác tự do, linh hoạt và không đòi hỏi nhiều công phu về kết cấu, hệ thống nhân vật, tình huống, chi tiết,... như ở hầu hết các thể loại khác.

Những tác phẩm *tùy bút* dài hơi như *Chiếc lư đồng mắt cua* của Nguyễn Tuân, *Hà Nội băm sáu phố phường* của Thạch Lam, *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* của Bình Nguyên Lộc, *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng,... thực chất được ghép lại từ nhiều *đoản thiên*, trong mỗi liên hệ nội tại chặt chẽ với nhau. Ví dụ: *Hà Nội băm sáu phố phường* gồm 20 *tùy bút* ngắn, cùng thể hiện cảm nhận tinh tế, có chiều sâu triết lý về văn hóa và con người Hà Nội (*Quà Hà Nội*, *Vãn quà Hà Nội*, *Còn quà Hà Nội*, *Phụ thêm vào phố*,...), *Thương nhớ mười hai* là niềm khắc khoải nhớ thương, nuôi tiếc triền miên suốt mười hai tháng trong năm của một kẻ

tha hương luôn ngoài trông về quê cũ (*Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt; Tháng Hai, tương tư hoa đào; Tháng Ba, rét nàng Bân;...*).

Như đã nói ở phần trước, thao tác phân loại bao giờ cũng mang tính ước lệ, vì không một hệ thống lý thuyết nào có thể bao quát triệt để thực tiễn sáng tác sinh động. Cho nên, ranh giới giữa các dạng *tùy bút* đôi khi rất mong manh, không ổn định và luôn có hiện tượng pha trộn, nhòe lẫn. Để xác định thỏa đáng *dạng* của một tác phẩm *tùy bút* cụ thể, cần vận dụng một cách linh hoạt, tổng hợp các tiêu chí. Ví dụ: *Tạp bút của Nguyễn Ngọc Tư* thuộc dạng *đoạn thiên tùy bút*, thể hiện những suy tư, trăn trở về hiện thực cuộc sống thời hòa bình và cảm hứng bi kịch, cảm hứng trữ tình chiếm phần chủ đạo; *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường thuộc dạng *trung thiên tùy bút*, về đề tài phong cảnh thiên nhiên và dạt dào cảm hứng lãng mạn; *Chiếc lu đồng mất của* của Nguyễn Tuân là *trường thiên tùy bút*, với cảm hứng bi kịch là chủ yếu;...

3. CÁC DẠNG TÙY BÚT TIÊU BIỂU TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Nhằm làm sáng tỏ thêm phân lý thuyết về thể loại đã trình bày, sau đây chúng tôi điềm lướt qua một số dạng *tùy bút* tiêu biểu, với những tác gia, tác phẩm cụ thể vốn đã góp phần làm phong phú, rạng rỡ diện mạo nền văn học Việt Nam hiện đại ở thế kỷ XX.

3.1. Tùy bút văn hóa-phong tục

Đây là dạng *tùy bút* chiếm số lượng lớn, với nhiều tác phẩm đặc sắc. Có cảm giác như *tùy bút* được tạo ra trước hết là để tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc. Thật khó tìm thấy thể loại văn chương nào khác thực

hiện công việc ấy hoàn hảo hơn *tùy bút*. Không chỉ miêu tả, tái hiện và trân trọng những biểu hiện cụ thể của hầu hết các thành tố văn hóa (văn hóa ẩm thực, văn hóa sinh hoạt, văn hóa giao tiếp, văn hóa tâm linh,...), các tác phẩm *tùy bút* còn dựng lên được những không gian văn hóa tiêu biểu (Hà Nội, Sài Gòn); để qua đó mà giáo dục ý thức văn hóa cho toàn thể cộng đồng.

Những tác phẩm tiêu biểu thuộc loại *tùy bút văn hóa-phong tục* là: *Hà Nội băm sáu phố phường* (Thạch Lam); *Thương nhớ mười hai* (Vũ Bằng); *Cốm Vòng, Giò lụa, Thà thơ, Những chiếc áo đất, Về tiếng ta, Bến Hồ và làng tranh...* (Nguyễn Tuân); *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* (Bình Nguyên Lộc); *Nghìn năm còn lại, Những nẻo đường Hà Nội, Nhịp sống Hà Nội...* (Băng Sơn); *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), *Mộng đời bất tuyệt* (Nguyễn Tường Bách);...

Thạch Lam viết *Hà Nội băm sáu phố phường* với mong ước "... khuyến khích yêu mến Hà Nội hơn, chúng ta nói đến tất cả những vẻ riêng của Hà Nội, khiến mọi sự đổi thay trong 36 phố phường đều có tiếng vang ra khắp mọi nơi". Tác phẩm gồm 24 *tùy bút*, đề cập đến khung cảnh, nếp sinh hoạt, tính cách con người và đặc biệt là các món ăn ngon, các thức quà Hà Nội. Văn hóa ẩm thực của Hà Nội được đề cập một cách toàn diện và tinh tế. Vẫn những thứ thực phẩm làm nguyên liệu chính như cá, ốc, lươn, cua, tôm,... vẫn những món ăn quen thuộc với người Việt Nam khắp mọi miền đất nước như phở, bún, chả, riêu, cháo, miến, xôi,... nhưng hình như chỉ ở Hà Nội thì mọi thứ mới thật đậm đà hương vị, mới được nâng thành nghệ thuật.

Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng cũng là một sáng tác tiêu biểu thuộc loại *tùy bút văn hóa-phong tục*. Ngoài phần *Tự ngôn* mở đầu, tác phẩm gồm 13 đoạn thiên, trong đó có 12 đoạn thiên giải bày nỗi nhớ thương da diết đối với Hà Nội nói riêng và mảnh đất, con người xứ Bắc nói chung. Thông qua hồi ức về những ngày sống êm đềm bên người vợ hiền đảm đang, tần tảo và hết mực chiều chồng, tác giả đã mang tới cho độc giả hương vị đậm đà của những *thời trân* đất Bắc suốt bốn mùa; đồng thời hồi tưởng về những tập tục, lễ hội truyền thống, những thú chơi dân gian qua mười hai tháng trong năm: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt; Tháng Hai, tương tư hoa đào; Tháng Ba, rét nằng Bân; Tháng Tư, mơ đi tắm suối Mường;...*

Rất nhiều tác phẩm của Nguyễn Tuân có thể xếp vào loại *tùy bút văn hóa-phong tục*. Tự nhận mình là một người “*sinh ra để thờ Nghệ Thuật với hai chữ viết hoa*”, suốt đời, ông bôn ba đi tìm để kịp thời phát hiện và say sưa ngợi ca cái đẹp có màu sắc văn hóa ở mọi phương diện đời sống. Đó là nét đẹp trong văn hóa âm thực (*Phở, Giò lụa, Cốm,...*), trong tiếng mẹ đẻ, trong văn chương cổ điển và các hình thức nghệ thuật dân gian (*Thà thơ, Những chiếc ấm đất, Về tiếng ta, Tán về ngôn ngữ, Thời và thơ Tú Xương, Hồ Xuân Hương, Tán mạn xung quanh một áng Kiều, Làng hoa, Bến Hồ và làng tranh*).

Cùng khai thác mảng đề tài văn hóa-phong tục, nhưng ở mỗi nhà văn đều có nét độc đáo riêng. Thạch Lam luôn tỏ ra tinh tế, lịch lãm, thâm thúy trong quan sát, thưởng thức và nhận xét các sự việc, hiện tượng đang diễn ra. Vũ Bằng lại sỡ trường với việc dựng lại cả một không gian văn hóa

qua dòng hoài niệm êm đềm mà đầy khắc khoải về quê hương. Bằng tài hoa và sự uyên bác hơn người, hình như bao giờ Nguyễn Tuân cũng gợi ra, lấy ra được cái chất văn hóa tiềm ẩn trong mọi đối tượng mà ông đề cập tới.

Bằng Sơn xuất hiện khá muộn ở thể *tùy bút* (1993), nhưng sức bút của ông thì thật đáng nể: trong vòng 10 năm, từ 1993 đến 2003, đã đều đặn cho ra đời trên dưới 18 tác phẩm. Có thể điểm qua một số tiêu biểu: *Thú ăn chơi người Hà Nội* tập 1, 2, 3, 4 (1993-2001), *Nghìn năm còn lại* (1996), *Thấp thoáng hồn xưa* (1997), *Những nẻo đường Hà Nội* (1998... Đề tài bao trùm *tùy bút* Bằng Sơn là vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, con người Hà Nội xưa và nay. Sinh ra và lớn lên ở Cẩm Giàng (Hải Dương), phải chăng Bằng Sơn muốn nối bút với Thạch Lam - người đồng hương - tiếp tục tôn vinh mảnh đất và con người của thủ đô ngàn năm văn hiến? Cũng vẫn *băm sáu phố phường* ấy, nhưng dưới ngòi bút dạt dào niềm yêu thương, trân trọng và đầy chất thơ của Bằng Sơn, mọi thứ chợt như được làm mới lại, *lạ hóa* trước mắt mọi người. Giọng văn như nối kết được vào cái mạch trữ tình đa tầng, đa diện có từ thời Thạch Lam: vừa háo hức, tin yêu trước những giá trị mới, vừa băng khuâng ngậm ngùi, nuối tiếc những *vẻ đẹp xưa* chỉ còn trong hoài niệm. *Tùy bút* của Bằng Sơn đã góp thêm vào văn xuôi về đề tài Hà Nội một mảng hương sắc khá đậm đà, độc đáo.

Cảm hứng chủ đạo trong *tùy bút văn hóa-phong tục* thường là *cảm hứng trữ tình*. Bằng năng lực quan sát sắc sảo và khả năng nắm bắt bản chất sự việc một cách tinh nhạy, người viết *tùy bút* luôn phát hiện ra những biểu hiện phong phú, những quy luật

vận động trong sự kế thừa và cách tân của các giá trị văn hóa dân tộc. Trân trọng, đề cao những giá trị văn hóa đích thực bao nhiêu, nhà văn càng bất mãn, xót xa trước những biểu hiện lai căng, phản văn hóa bấy nhiêu. Cho nên, cùng với cảm hứng trữ tình, còn thấy xuất hiện thêm cả *cảm hứng châm biếm* và *cảm hứng bi kịch* ở dạng *tùy bút* này. Đó là những khi nhà văn phải đau lòng chứng kiến cảnh tượng phong hóa bị vùi dập, bị lãng quên, thay vào đó bằng những thứ giả tạo, phù phiếm.

Nguyễn Tuân là nhà văn ưa khái quát, từ góc độ mỹ thuật. Ông luôn có khuynh hướng đào sâu, mở rộng, khai thác đến kỳ cùng, từ đó bật nổi lên những ý tưởng tinh tế, sâu sắc đến bất ngờ và đầy thú vị. Ông cho rằng “Trong một món ăn cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp”. Bằng ý thức văn hóa mạnh mẽ như thế, Nguyễn Tuân xem phở là một món ăn “rất nhiều quân chúng tính”, giò lụa là “đỉnh cao của một dạng văn hóa toàn cầu ăn thịt lợn và chế biến món ăn lợn”. tiếng Việt là “cái phần hương hòa mang vẻ đẹp linh diệu”. Không chỉ hết lời tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc, Nguyễn Tuân còn bày tỏ lòng tri ân vô hạn đối với bao thế hệ tiền nhân: “Tôi lặng cúi xuống mặt trang giấy trắng tinh... mà nói bật lên những lời biết ơn đối với đất nước ông bà tiên tổ. Thấy chịu ơn rất nhiều đối với quê hương ông bà đã truyền cho tôi thứ tiếng nói đậm đà tôi hằng nói từ những ngày mới ra đời... Tôi biết rằng cái ngôn thừa tự tôi đang nói đang diễn viết ra đây, chính nó là kết tinh bởi nhiều trăm nghìn năm công sức lao động của tổ tiên lưu truyền lại”. Những câu văn thành thực và đầy tâm huyết này chắc hẳn

có ý nghĩa giáo dục ý thức dân tộc rất sâu sắc, vì nó hướng người ta đến một nếp ứng xử cộng đồng có nền tảng văn hóa.

Không gian nghệ thuật của *tùy bút văn hóa-phong tục* thường là không gian hoài niệm, được phục dựng lại với niềm băng khuâng nhớ thương, nuối tiếc. Bằng cảm quan nghệ thuật có chiều sâu triết lý và tầm cao tư tưởng, nhà văn luôn đặt các sự vật, hiện tượng trong tương quan so sánh, đối chiếu giữa truyền thống với cách tân, giữa dân tộc với thời đại, giữa phương Đông với phương Tây..., để từ đó mà thanh lọc, khẳng định những giá trị văn hóa vĩnh hằng.

Bằng tấm lòng thiết tha, trân trọng, trong tác phẩm *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, nhà văn Bình Nguyên Lộc đã tái hiện lại thật sinh động cả một không gian văn hóa rộng lớn: vùng đất Sài Gòn vào những năm đầu thế kỷ XX. Đó không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là không gian nghĩa tình, nơi các thế hệ, các cộng đồng người, các tôn giáo,... đã bao đời chung sống hòa thuận, gắn bó bền chặt với nhau. Từ những sự vật, hiện tượng tự nhiên (sông rạch, cây cối, đất đai,...) cho đến những thứ do bàn tay con người sáng tạo nên (cầu, đường sá, chùa chiền, đền miếu, nhị ti,...), tất cả như được gắn kết với nhau trong tình quê hương và nghĩa đồng bào: “Thủ phủ miền Nam là một thành phố mới. Cây, đá, nhà, phố, phong tục, đều chưa mang được cái vẻ cổ kính (...). Nhưng trong tình trạng thiếu thốn bản sắc riêng ấy, may thay, Sài Gòn còn được con sông Ông Lãnh (...). Con sông gợi tình, thỉnh thoảng màu nước trong xanh biến ra vàng sậm vì từ lòng cạn vẩn lên phù sa gợi nhớ Thủy Chân Lạp hoang vu, nê địa, gợi hình ảnh

đẹp của đoàn người chiến đấu với thiên nhiên để khai thác đất mới (...). Nên chi, đi xa mười năm, vẫn nhớ Sài Gòn. Không nhớ những phố lớn, nhà cao vô vị vì giống phố nhà nơi khác, mà nhớ con sông nhỏ nhỏ, khổ đau vì chở nặng những ghe chài khảm lừ hàng hóa, thủ phận người vợ hiền chăm nuôi con dại, và bờ ngõ như một chị nhà quê lạc lõng vào thành phố” (*Sông Ông Lành*).

3.2. Tùy bút lịch sử

Đây là mảng *tùy bút* lấy cảm hứng từ lịch sử, cả sự kiện và nhân vật lịch sử. Trong khi ngợi ca những phẩm chất và bản lĩnh dân tộc trong hiện tại, mạch cảm xúc chủ quan của nhà văn đôi khi ngược dòng tìm về với quá khứ, truyền thống. Bởi quá khứ là tiền đề của hiện tại, nên những chiêm nghiệm về nó sẽ giúp ích cho việc nhận thức quy luật vận động của lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc. Cũng cần phân biệt loại *tùy bút* này với những sáng tác bộc lộ nỗi niềm hoài cổ, nuối tiếc (như tập truyện *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân chẳng hạn). Ở đây, cảm hứng lịch sử không chỉ thể hiện ở khuynh hướng tìm về khai thác ý nghĩa của những sự việc, hiện tượng trong quá khứ, mà còn giúp nhà văn có thể phát hiện ra tầm vóc lịch sử của những sự việc, hiện tượng đang xảy ra.

Nếu trong tiểu thuyết và truyện ngắn, khi tái hiện lịch sử, nhà văn vừa phải đảm bảo tính chân thực vừa có thể hư cấu thêm để tạo ra tính hấp dẫn cho cốt truyện, nhân vật, tình tiết,... thì ở *tùy bút*, biểu hiện của hư cấu nghệ thuật không phải thêm vào mà là bớt đi. Lịch sử thường không được tái hiện lại như những bức tranh toàn cảnh, mà chỉ là những hồi quang, những âm vang mang ý nghĩa soi sáng, thúc giục,... để cùng cố

niềm tin, tiếp thêm nghị lực cho con người trong hiện tại.

Ở mảng *tùy bút lịch sử*, Võ Văn Trực là cây bút nổi bật, với các tác phẩm tiêu biểu: *Những dấu chân lịch sử, Câu chuyện những dòng sông, Đèo lư, đèo trăng. Tùy bút* Võ Văn Trực, ngay từ tiêu đề, đã có thể làm bùng dậy cái hùng khí thiêng liêng ngàn đời của dân tộc: *Đất nước vạn mùa xuân; Từ Hoa Lu...; Như Nguyệt, câu thơ và tiếng sóng; Đại Việt - Bạch Đằng - thế kỷ XIII; Đông Đa, mùa hoa đào; Tiếng sấm và hoa ban mùa xuân Điện Biên Phủ; Thiên anh hùng ca chống Mỹ và mùa xuân Hồ Chí Minh...* Nhà văn luôn có khuynh hướng suy tư về hiện thực chiến đấu và xây dựng hôm nay từ góc nhìn lịch sử, trong tầm vóc lịch sử; để từ đó cùng cố thêm niềm tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc. Lịch sử không còn là một khái niệm trừu tượng, mà được nhận thức và khắc họa thật sống động, gần gũi; trong sự hòa hợp diệu kỳ giữa quá khứ với hiện tại, giữa dân tộc với thời đại, giữa mỗi cá nhân với cả cộng đồng.

Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân của Chế Lan Viên cũng là một *tùy bút lịch sử* đặc sắc. Bằng trí tuệ mẫn tiệp và năng lực cảm nhận tinh tế, tác giả đã phóng tầm mắt nhìn suốt chiều dài lịch sử dân tộc, để phát hiện sự vận động và phát triển diệu kỳ của mạch ngầm truyền thống văn hóa “*Gác về văn và quán vì người*”. Lòng tri ân vô hạn đối với tiền nhân, ý thức công dân sâu sắc và niềm tin tuyệt đối vào tương lai huy hoàng của đất nước cũng được nảy sinh từ đó: “Biết ơn cha ông đã giữ cho ta nền độc lập, lại giữ những trống đồng, những chũm Keo, những tượng La Hán chùa Tây Phương, các kho tàng những ca dao và

Truyện Kiều... Ở đây, suốt mấy nghìn năm, cha ông cùng với chúng ta đều chung một kẻ thù, chung một chiến hào. Không! Cha ông không chỉ là chỗ tựa, là đường băng cho ta cất cánh. Cha ông còn có thể góp lửa vào sức đẩy của ta trong cuộc hành trình. Ôi, tôi yêu biết mấy cha ông! Tôi càng yêu biết mấy thời đại của tôi đã làm cho tôi có được sự đánh giá này, lòng biết ơn này”.

3.3. Tùỳ bút chiến tranh

Khác với tiểu thuyết và truyện ký, *tùỳ bút* không nhằm tái hiện toàn bộ bức tranh hoành tráng lịch sử trong sự bẽ bộn, phức tạp. Cảm xúc, tư tưởng nghệ thuật của tác giả cũng không trải ra ở bề rộng không gian và chiều dài thời gian, mà luôn có khuynh hướng vươn lên những tầm cao khái quát, triết lý và lắng vào bề sâu tâm hồn với những rung động tinh tế, mãnh liệt.

Tùỳ bút chiến tranh góp một nét diện mạo độc đáo cho nền văn học Cách mạng giai đoạn 1945-1975. Ở dạng *tùỳ bút* này, cảm hứng anh hùng đóng vai trò chủ đạo. Nó bao hàm việc khẳng định chiến công của cá nhân hoặc của cả tập thể, khẳng định ý nghĩa to lớn của chiến công đó đối với sự phát triển lịch sử. Đối tượng khơi gợi cảm hứng anh hùng là chất anh hùng của hoàn cảnh thực tại. Trong giai đoạn đất nước bị ngoại xâm, cảm hứng anh hùng thường mang màu sắc sử thi (Khái niệm *sử thi* ở đây được hiểu theo nghĩa *khuynh hướng sử thi, tầm khái quát sử thi* chứ không phải *quy mô sử thi*). Suốt ba mươi năm chiến tranh vệ quốc, văn học nói chung thường chỉ tập trung vào những vấn đề lớn, có liên quan đến sự tồn vong của cả cộng đồng. Những vấn đề riêng tư, cá nhân ít được đề cập tới. Các thể loại trữ tình, đã phát triển rục rờ ở giai đoạn trước bỗng trở nên lỗi

thời. Nhưng với *tùỳ bút* thì tình hình khác hẳn. Là một thể loại trung gian, thích nghi được với mọi yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử, nên nó đã có bước chuyển thật ngoạn mục từ trữ tình đời tư sang trữ tình công dân và ghi được nhiều thành tựu nổi bật. Các tác phẩm *tùỳ bút* thời kỳ này tập trung ca ngợi tư thế tiến công và hào khí của cả dân tộc, trong vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Cần nói thêm rằng không phải chỉ có hành động đấu tranh chống kẻ thù từ bên ngoài mới làm nảy sinh cảm hứng anh hùng. Cách thức giải quyết những xung đột âm thầm mà quyết liệt bên trong, để từ đó con người có thể tự nguyện dấn thân gánh vác các nghĩa vụ công dân, thể hiện trách nhiệm cao cả với Tổ quốc, cũng được *tùỳ bút* ngợi ca bằng cảm hứng anh hùng.

Hầu hết những sáng tác của Nguyễn Tuân ở giai đoạn này đều có thể xếp vào dạng *tùỳ bút chiến tranh*: *Đường vui, Tình chiến dịch, Tùỳ bút kháng chiến và hòa bình, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi...* Ngoài ra, còn phải kể đến *Đường chúng ta đi* của Nguyễn Trung Thành; *Dòng kinh quê hương, Đại hội anh hùng* của Nguyễn Thi; *Hôm nay chúng ta ra trận* của Khánh Vân, *Không có gì quý hơn độc lập tự do* của nhiều tác giả,...

Không khí hào hùng, đau thương mà vô cùng anh dũng của thời đại đã được tái hiện lại. Đó là cuộc đối đầu máu lửa còn giữa chính nghĩa với bạo tàn phi nghĩa, là sự bất tử của cái Đẹp và thất bại tất yếu của những thế lực hắc ám. Nhưng hình như cứu cánh của những trang *tùỳ bút chiến tranh* không ở chỗ phục dựng lại không khí lịch sử. Nó tỏ ra quan tâm nhiều hơn đến việc giải bày tâm tư tình cảm của con